

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm sử dụng năm 2026-2027 của bệnh viện đa khoa Đắk Nông.
- Tên gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm sử dụng năm 2026-2027 của bệnh viện đa khoa Đắk Nông.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Đắk Nông
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Đắk Nông. Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

- Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa tương thích với các trang thiết bị hiện có tại Đơn vị sử dụng (*Chỉ áp dụng đối với các mặt hàng sử dụng cho máy có tại bệnh viện*), bằng một trong các cách sau:

+ Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hàng hóa chào thầu thể hiện nội dung này.

+ Tài liệu nghiệm thu của 01 đơn vị sử dụng bất kỳ nào đã sử dụng hàng hóa chào thầu cho các trang thiết bị tương tự của Đơn vị và hoạt động tốt.

+ Cam kết sau 01 tháng bàn giao hàng hóa tại Đơn vị sử dụng, có kết quả ngoại kiểm đáp ứng yêu cầu và mọi chi phí ngoại kiểm do nhà thầu chi trả (nếu Đơn vị sử dụng có yêu cầu).

+ Hoặc tài liệu khác có giá trị chứng minh tương đương.

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel + bản ký đóng dấu, scan đính kèm E-HSDT):

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TTBYT)	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Số lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba
Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai. Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu												

Lưu ý: (*): Tại bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng, đối với hàng hóa là vật tư, nhà thầu phải cung cấp mã vật tư phục vụ thanh toán bảo hiểm y tế (nếu có) theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT. Trong trường hợp tên hàng hóa theo không trùng với Thông tư số 04/2017/TT-BYT và các văn bản liên quan, nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng Bên mua giải quyết và đính chính thông tin để thực hiện thanh toán BHYT

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel + bản ký đóng dấu, scan tại E-HSDT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT	
				Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Việt	Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp

				Anh	có sự sai khác, Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu làm rõ E-HSDT. Việc nhà thầu cố tình dịch sai nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, tùy mức độ có thể được coi là hành vi gian lận)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Số lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...		
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá (trích dẫn cụ thể tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật và Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT) (theo ví dụ dưới đây) Đồng thời, nhà thầu cần đánh dấu (Highlight) trên tài liệu kỹ thuật thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.	
	Ví dụ:	<i>Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080p$</i>	<i>Độ phân giải: 1920x1080p</i>	Catalog trang 2 “Resolution: 1920x1080p”	
		<i>Nguồn sáng: LED hoặc</i>	<i>Nguồn sáng: LED</i>	Catalog trang 2 “Light source: High power white led”	

		<i>tương đương</i>		
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) kèm theo dẫn chứng pháp lý và khoa học cụ thể (không chấp nhận các lập luận tự suy diễn) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
			Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)	Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng
<i>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai.</i> <i>Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</i>				

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1	Phần 1: Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương, điều trị vết thương: 18 sản phẩm	
1.1	Bông không hút nước	Bông mỡ, nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ, Quy cách: cuộn ≥ 1 kg.
1.2	Nước Javen	Javen 10-12%. Dạng lỏng.
1.3	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,1(% w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride 0,1(% w/w), Ethanol 30 (% w/w), Chai xịt ≥ 750 ml.
1.4	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh (dạng phun sương)	Thành phần: Hydro Peroxide $\geq 6\%$ (w/w), Nano Silver $\geq 0.006\%$ (w/w) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. Được khảo nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis.
1.5	Băng bột bó nhỏ	Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Kích thước 10cm x 4,6m.
1.6	Băng bột bó lớn	Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Kích thước 15cmx4,6m; Thạch cao nguyên chất 97%.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1.7	Băng dính co giãn 10cm x 10m	Băng dính co giãn 10cm x 10m.
1.8	Băng dính co giãn 15cm x 10m	Băng dính co giãn 15cm x 10m.
1.9	Băng dán mí các loại, các cỡ	Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng. Lớp film Polyurethane trong suốt: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus.
1.1 0	Băng keo lụa y tế	Chất liệu vải lụa, keo Acrylic không dung môi, không gây dị ứng. Chiều dài ≥ 9 mét, chiều rộng $\geq 2,5$ cm.
1.1 1	Băng keo giấy 2.5cm x 5m	Băng keo giấy $\geq 2,5\text{cm} \times 5\text{m}$, chất liệu không dệt Polyester + Resin. Keo Acrylic dành cho da nhạy cảm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
1.1 2	Gạc dẫn lưu nội soi	Gạc dẫn lưu nội soi 1,5cm x 80cm x 12 lớp vải không dệt, tiệt trùng có cản quan, 100% Cotton.
1.1 3	Gạc dẫn lưu	Gạc dẫn lưu 3,5cm x 75cm x 8 lớp vải không dệt, tiệt trùng có cản quan.
1.1 4	Miếng cầm máu mũi không tự tiêu	Miếng cầm máu mũi nguyên liệu PVA 8 x 1.5 x 2cm, Vô trùng.
1.1 5	Vật liệu cầm máu tiệt trùng	Vật liệu cầm máu tự tiêu cellulose oxy hóa tái tổ hợp (Cầm máu sọ não) kích thước 10x20cm.
1.1 6	Bộ vật tư hút dịch VAC lớn Foam NANO kẽm kháng khuẩn kháng nấm cỡ lớn	Bộ lớn gồm (Ống hút dịch, miếng keo, Foam NANO kẽm 15 x 26 x 3cm, đôi găng, bộ thay băng, lưỡi dao mổ).

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1.1 7	Bộ vật tư hút dịch VAC Foam NANO kẽm kháng khuẩn kháng nấm cỡ trung	Bộ trung gồm (Ống hút dịch, miếng keo, foam NANO kẽm 12,5 x 18 x 3cm đôi găng, bộ thay băng, lưỡi dao mổ).
1.1 8	Bộ vật tư hút dịch VAC nhỏ Foam NANO kẽm kháng khuẩn kháng nấm cỡ nhỏ	Gồm (ống hút dịch, miếng keo, Foam NANO kẽm 10 x 7.5 x 3 cm, đôi găng, bộ thay băng, lưỡi dao mổ).
2	Phần 2: Túi, lọ, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter, Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ: 17 sản phẩm	
2.1	Túi ép dẹp tiệt trùng 150mm x 200m.	Túi hấp tiệt trùng loại dẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế, kích thước: 150mmx200m, có chỉ thị hóa học chuyển màu.
2.2	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 350mmx70m
2.3	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 300mmx70m

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
2.4	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 250mmx70m
2.5	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 200mm x 70m
2.6	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 150mmx70m
2.7	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp	Túi ép gồm: Không chứa chì, kim loại nặng và các vật liệu độc hại. Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn. Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Kích thước: 100mmx70m
2.8	Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng PS 50ml nắp đỏ, có nhãn, đóng gói rời từng cái.
2.9	Ống chữ T cai máy thở T-Tube	Bộ sản phẩm bao gồm ống T-Tube kèm dây oxy 2 mét và 1 van venturi 60%.
2.1 0	Ống nối dây máy thở	Ống nối dây máy thở cao tần, dùng một lần, có tiệt trùng (loại đa hướng)

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
2.1 1	Dây máy thở 2 trong 1	Bộ dây máy gây mê cao tần, đa hướng, dùng một lần, dùng cho người lớn, được thiết kế với hiệu năng cao giúp loại bỏ tắc nghẽn và rò rỉ bên trong dây.
2.1 2	Bộ dây thở máy sử dụng 1 lần trẻ em	Dây thở 2 bể nước dành cho mọi máy thở xâm lấn. Chất liệu nhựa PE. Size trẻ em, độ dài $\geq 1m6$
2.1 3	Bộ dây thở máy silicon người lớn	Chiều dài mạch chính: $\geq 1,2m$. Chiều dài nhánh phụ: $\geq 0,6m$. Chất liệu silicone y tế không độc kèm phụ kiện gồm (02 cốc bể nước dùng nhiều lần, 01 co nối chữ Y có cổng và nắp an toàn, 02 đầu nối thẳng 22M-22M, 01 giá đỡ ống thông, 01 dây áp lực, 02 mạch ống silicone dài $\geq 1,2m$).
2.1 4	Bộ dây thở máy silicon trẻ em	chiều dài mạch chính: $\geq 1,2m$. Chiều dài nhánh phụ: $\geq 0,6m$. Chất liệu silicone y tế không độc kèm phụ kiện gồm (02 cốc bể nước dùng nhiều lần, 01 co nối chữ Y có cổng và nắp an toàn, 02 đầu nối thẳng 22M-22M, 01 giá đỡ ống thông, 01 dây áp lực, 02 mạch ống silicone dài $\geq 1,2m$).
2.1 5	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 2 nòng.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng người lớn 7Fr x 16cm/20cm cỡ nòng (14/18Ga) bao gồm: Catheter polyurethane tương thích sinh học có cản quang, 7F x 16/20cm. Dây dẫn J làm bằng hợp kim Nickel Titan mềm và linh hoạt, chống gãy gập. Cây nông, bơm tiêm 5ml, kim Y dẫn đường, dao, hub, cánh khâu cố định cathete.
2.1 6	Catheter lọc máu hai đầu nòng	Catheter thận nhân tạo, chất liệu polyurethane có cản quang, có thước đo để đánh dấu vị trí đặt catheter. Cỡ 12F, 16cm (tốc độ 297/297ml/phút) hoặc 12F, 20cm (tốc độ 285/285ml/phút). Đầu nối catheter có nút chặn van hai chiều tránh nhiễm khuẩn.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
2.1 7	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản Cấu hình gồm: 01 đầu thắt. Thông số: Dùng thắt tĩnh mạch thực quản, đường kính 9.5 tới 11.2mm, có 6 vòng thắt. Sử dụng một lần
3	Phần 3: Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị: 12 sản phẩm	
3.1	Giấy thử kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn	Gói thử chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước. Thành phần: Giấy 90-98%; Sulfur 1-2%; Acrylic polymer 0-1%. Kích thước $\geq 11.5\text{cm} \times 11.5\text{cm}$. Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 121°C hay 134°C . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương.
3.2	Mask khí dung	Có dây và bầu đựng thuốc
3.3	Mask thở silicon trẻ sơ sinh	size 0
3.4	Mask thở silicon trẻ sơ sinh	size 1
3.5	Mask thở silicon trẻ em	size 2
3.6	Bóp bóng trẻ em	Bóp bóng bằng PVC Mặt nạ PVC. Thể tích túi dự trữ: 1600 ml. Thể tích bóng: 350 ml. Trọng lượng cơ thể: 10 - 30 kg. Dây dẫn oxy
3.7	Bóp bóng người lớn	Bóp bóng bằng PVC. Mặt nạ PVC. Thể tích túi chứa: 2000 ml. Thể tích bóng: 800 ml. Trọng lượng cơ thể: > 30 kg. Dây dẫn oxy.
3.8	Bóp bóng sơ sinh	Bóp bóng bằng PVC. Mặt nạ PVC. Thể tích túi chứa: 1600 ml. Thể tích bóng: 150 ml. Trọng lượng cơ thể: < 10 kg. Dây dẫn oxy.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
3.9	Bầu xông khí dung cho máy thở	Bầu xông khí dung cho máy thở có 3 cổng, 1 đầu nối máy thở, 1 nối canuyn, còn đầu còn lại là bầu xông khí dung.
3.1 0	Gel siêu âm	Thành phần: Carbomer, glycerin, water, gel trong không mùi, thân nước, không bột khí, không chất ăn mòn dùng siêu âm chuẩn đoán hình ảnh. Can ≥ 5 lít.
3.1 1	Ly nhựa	Ly nhựa
3.1 2	Đầu hút mũi (Đầu làm kê)	Chất liệu nhựa y tế dài: 3.5cm, đường kính lỗ: 0.5 cm
4	Phần 4: Vật tư, hóa chất dùng cho Nha khoa: 09 sản phẩm	
4.1	Keo dán vật liệu trám răng	Là hợp chất chứa monomer ưa nước dùng để liên kết với cấu trúc răng và cả những monomer kỵ nước tạo ra liên kết với vật liệu phục hồi, thường dùng trên men và ngà răng, áp dụng trong quy trình trám răng, đính hạt.
4.2	Chổi đánh bóng răng	Chổi đánh bóng răng.
4.3	Đai Nhám kẽ	Sợi nhám kẽ siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau.
4.4	Vật liệu trám răng bít ống tủy	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ ≥ 10 g.
4.5	Sò đánh bóng	Là bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám.
4.6	Trâm đưa chất hàn răng vào ống tủy	Dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ.
4.7	Gel bôi trơn ống tủy	Bôi trơn khi sửa soạn ống tủy với trâm tay. Các ống tủy bị canxi hóa, các răng sâu với ống tủy hẹp; Loại bỏ mùn

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		ngà. (Tuýp ≥7ml).
4.8	Cung cố định hàm	Thành phần: Thép không gỉ, cấu tạo gồm cung, dây kẽm, dễ bẻ cong theo hình dạng răng.
4.9	Thuốc diệt tuỷ	Thành phần: Anhydrit arsenic, Cocain hydroclorid, Phenol.
5	Phần 5: Quả Lọc máu: 07 sản phẩm	
5.1	Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu trong lọc máu liên tục và hấp phụ	Là bộ kit tương thích khi chạy trên máy B/BRAUN. 1 bộ tối thiểu gồm: Dây dẫn động mạch, tĩnh mạch, dẫn dịch thải, dịch thẩm tách, dịch bù, túi thải tối thiểu 7 lit, màng lọc, 05 bộ đo áp lực lọc khí bằng áp suất kèm màng lọc 0,2 µm.
5.2	Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu sử dụng cho máy lọc máu liên tục và hấp phụ	Là bộ kit tương thích khi chạy trên máy B/BRAUN, Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu sử dụng cho máy lọc máu liên tục và hấp phụ. Sử dụng trên máy Omni
5.3	Quả lọc hấp phụ	Quả lọc hấp phụ HA330 bản chất là các hạt Resin với khả năng hấp phụ các độc tố trọng lượng phân tử. Thể tích hấp phụ: 330ml, Kèm dây nối. Dùng cho bệnh nahan sốc nhiễm khuẩn các yếu tố gây ra viêm, nội độc tổ, suy đa tạng.
5.4	Quả lọc hấp phụ	Quả lọc hấp phụ, Thể tích hấp phụ: 230mL. Chỉ định tuyệt đối: Ngộ độc Paraquat, thuốc diệt chuột... Chỉ định tương đối: các loại ngộ độc khác.
5.5	Quả lọc máu tách huyết	Thiết bị bao gồm: Dây động mạch kèm dây dẫn chứa Heparin, công chọc kim và đầu nhọn; Dây tĩnh mạch

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	tương kèm hệ thống dây dẫn sử dụng cho máy lọc máu liên tục	kèm túi chứa chất thải 2 lít để mỗi dịch; cổng chọc kim và cổng tiêm truyền; dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; túi dịch thải 7 lít; 5 bộ lọc khí máu kèm màng lọc 0,2 µm, Sử dụng trên máy Omni
5.6	Quả hấp phụ máu một lần	- Thể tích hấp phụ: $\geq 250\text{mL}$ - Vật liệu vỏ: Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene - Vật liệu hấp phụ: Polystyrene resin, đáp ứng tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương - Vật liệu phủ: Hydrophilic graft - Phương thức khử trùng: Hấp tự động - Thể tích môi: $\leq 130\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $>150\text{ml}$ - Lưu lượng máu tối đa tới 250mL/phút - Dải hấp phụ: $500\sim 10\text{kDa}$ - Diện tích hấp phụ: $\geq 95.000\text{m}^2$ - Nội trở tối đa: 4kPa - Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: $8,1\text{N}$ - Năng lực hấp phụ: Cd(II): 89.0%, Hg(II): 89%, Dimethoate: 98.4%, Paraquat: 96.3%, DDVP: 95.8%, Phoxim: 98.3%, Amlodipine Besylate: 94.3%, Aminophylline: 78.6%, Antipsychotic: 87.9%, dichlovros: 51.5%, Pentobarbital: 92.9%. - pH: Sự khác biệt giữa giá trị pH của dung dịch thử và dung dịch đối chứng trắng không được quá 1,5 - Độ hấp phụ tia cực tím nhỏ hơn 0,1 - Nội độc tổ vi khuẩn dưới $0,5\text{EU/mL}$ - Kích thước lỗ 3-30nm (cho phép hấp phụ các chất có

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		trọng lượng phân tử lớn) - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương
5.7	Quả hấp phụ máu một lần	- Thể tích hấp phụ: $\geq 350\text{mL}$ - Vật liệu vỏ: Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene - Vật liệu hấp phụ: Polystyrene resin, đáp ứng tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương - Vật liệu phủ: Hydrophilic graft - Phương thức khử trùng: Hấp tự động - Thể tích môi: $\leq 170\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $>180\text{ml}$ - Lưu lượng máu tối đa tới 250mL/phút - Dải hấp phụ: $10\sim 60\text{kDa}$ - Diện tích hấp phụ: $\geq 135.000\text{m}^2$ - Nội trở tối đa: 4kPa - Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: $8,1\text{N}$ - Năng lực hấp phụ: Endotoxin: $36.7\%-52.5\%$, $\text{TNF-}\alpha$: $31.1\sim 71.2\%$, $\text{IL-1}\beta$: 35%. - pH: Sự khác biệt giữa giá trị pH của dung dịch thử và dung dịch đối chứng trắng không được quá 1,5 - Độ hấp phụ tia cực tím nhỏ hơn 0,1 - Nội độc tố vi khuẩn dưới $0,5\text{EU/mL}$ - Kích thước lỗ $3\text{-}30\text{nm}$ (cho phép hấp phụ các chất có trọng lượng phân tử lớn) - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương
6	Phần 6: Chỉ khâu, dao phẫu thuật: 11 sản phẩm	

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
6.1	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chất liệu Polyamide 6.6, vô trùng. Kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321. Chỉ số 2/0, sợi chỉ dài 75cm, kim dài 24mm, 3/8 đường tròn. màu xanh hoặc màu đen. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
6.2	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi 5/0	Chất liệu Polyamide 6.6, vô trùng. Kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321. Chỉ số 5/0, sợi chỉ dài 75cm, kim dài 16mm, 3/8 đường tròn. màu xanh hoặc màu đen. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
6.3	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi 6/0	Chất liệu Polyamide 6.6, vô trùng. Kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321. Chỉ số 6/0, sợi chỉ dài 75cm, kim dài 12mm, 3/8 đường tròn. màu xanh hoặc màu đen. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
6.4	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 25mm, 1/2C, kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321
6.5	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 25mm, 1/2C, kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321
6.6	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 8mm, kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
6.7	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 5/0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng Polyglactin 910 số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C, kim dài 17mm, kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321 phủ silicon, tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
6.8	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Chỉ làm từ collagen, sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon.
6.9	Chỉ thép khâu xương bánh chè (Chỉ không tan)	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm, kim bằng chất liệu thép không gỉ Austenitic 321 phủ silicon, tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương
6.1 0	Dao chọc tiền phòng 15 độ.	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, độ cứng ≥ 500 HV, mài theo công nghệ cạnh mài ngang, lưỡi dao phủ Silicon. Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Công nghệ chống chói đầu lưỡi dao.
6.1 1	Dao mổ Phaco 2,2mm, 2,8mm, 2 mặt vát.	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, độ cứng ≥ 500 HV, mài theo công nghệ cạnh mài ngang, lưỡi dao phủ Silicon. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.2mm, 2.8mm cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc 45 độ. Độ dày lưỡi dao 0.14mm. Công nghệ chống chói đầu lưỡi dao.
7	Phần 7: Phim X- quang các loại, các cỡ: 02 sản phẩm	
7.1	Phim chụp nha khoa	Phim chụp nha khoa kích thước: 30,5mm x 40,5mm.
7.2	Phim dùng cho máy MRI	Kích thước 35x43 cm, dùng trên máy in Trimax TX55 Laser Imaging System.
8	Phần 8: Dung dịch nhuộm bao dùng trong nhãn khoa: 01 sản phẩm	

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
8.1	Dung dịch nhuộm bao dùng trong nhân khoa.	Dung dịch nhuộm bao Phaco
9	Phần 9: Vật tư dụng cho máy laser Megapulse 70: 02 sản phẩm	
9.1	Nắp Troca nội soi	Số 3,5 và số 5 chất liệu silicone
9.2	Que dẫn Laser 365µm, loại sử dụng nhiều lần	Que dẫn Laser 365µm, loại sử dụng nhiều lần. Sử dụng tương tích cho máy laser Megapulse 70
10	Phần 10: Đinh: 02 sản phẩm	
10. 1	Đinh dẻo	Chất liệu Titanium; Thân đinh có đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0,3.5,4.0mm, dài 300-440mm
10. 2	Đinh rush	Đường kính 2.4/3.2/4.0/, dài 205-240
11	Phần 11: Vật tư y tế chuyên khoa cột sống lưng: 06 sản phẩm	
11. 1	Vít đa trục cột sống lưng, đường kính 4.5-7.5mm, kèm ốc khóa trong	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Thân vít: có 2 kiểu ren (ren dành cho vỏ xương và ren dành cho xương xốp), thiết diện ren vít hình trụ - Góc xoay trong khoảng 40-50 độ - Kích cỡ: đường kính: 4.5-7.5mm (bước tăng 1mm), chiều dài 20-60mm (bước tăng 5mm) - Kèm vít khóa trong: đường kính $\geq 10\text{mm}$ và chiều cao $\leq 5.3\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA hoặc tương đương - Hỗ trợ trợ cụ đi kèm
11. 2	Vít đa trục đuôi siêu dài khóa đôi can	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dùng trong phẫu thuật can thiệp tối thiểu qua da (MIS)

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	thiếp tối thiểu qua da kèm vít khóa trong	- Có hệ thống khóa đôi - Kích cỡ: đuôi dài trong khoảng 110-120mm; đường kính 5.0-7.5mm bước tăng 0.5mm, chiều dài 25-100mm bước tăng 5mm - Kèm vít khóa trong: hình ngôi sao, có đường kính ngoài $\geq 10.6\text{mm}$, chiều cao $\geq 4.7\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA hoặc tương đương - Hỗ trợ trợ cụ đi kèm
11. 3	Nẹp dọc cột sống thắt lưng dùng trong phẫu thuật can thiệp bắt vít qua da	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Nẹp dọc uốn sẵn - Một đầu nhọn, một đầu dẹp và có lỗ tròn - Tương thích với vít có đuôi dài trong khoảng 110-120mm - Kích cỡ: đường kính $\geq 5.5\text{mm}$, dài 40-90mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA hoặc tương đương
11. 4	Nẹp dọc cột sống lưng, dài 400mm	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích cỡ: + Đường kính: $\geq 6.0\text{mm}$ + Dài 400mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren (ren dành cho vỏ xương và ren dành cho xương xốp) - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA hoặc tương đương
11. 5	Vít đa trục rỗng ruột dùng để bơm xi măng, kèm vít khóa trong	- Vật liệu: hợp kim Titanium. - Đường kính từ 5.0mm - 7.0mm, dài 35 - 60mm, - Thiết kế: thân vít rỗng lòng có đường kính trong $\leq 1.8\text{mm}$ và ≥ 9 lỗ để bơm xi măng qua thân vít vào thân đốt sống, đầu mũi vít có đường kính $\leq 1.35\text{mm}$. - Kèm canulla bơm xi măng có thể tích 2cc (mỗi vạch 0.5 cc) và ốc khóa trong. - Đóng gói tiệt trùng tại hãng.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		- Tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương - Hỗ trợ trợ cụ đi kèm
11. 6	Nẹp dọc cột sống thắt lưng đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	- Vật liệu: Hợp kim titanium - Nẹp dọc thẳng - Tương thích với vít đa trục rỗng ruột dùng để bơm xi măng - Kích cỡ: đường kính: <5.5mm, chiều dài: 550mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương
12	Phần 12: Vật tư y tế chuyên khoa nội soi Khớp gối, khớp vai: 08 sản phẩm	
12. 1	Vít chốt neo tự điều chỉnh (Neo 1 đầu)	Vòng treo được làm bằng Chất liệu 100% UHMW- PE (Ultra Hight Molecular Weight Polyethylene) hoặc tương đương và 1 nút titanium TiAl-6-4V ELI hoặc tương đương 4 lỗ, có hai dây kéo được làm bằng chất liệu (UHMWPE) với 2 màu khác nhau. Chiều dài vòng treo gồm 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 mm. Khả năng chịu tải kéo cao: $\leq 1500N$. Tải trọng tối đa khi bị lỗi: 1565N * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
12. 2	Vít chốt neo khớp vai tự tiêu kích thước 5.5 mm.	Vít chất liệu tự tiêu: 70% Poly (70/30: L/DL) + 30% TCP, thân bắt vít làm từ chất liệu thép không gỉ. dùng trong nội soi khớp vai, kích thước 5.5 mm. Chỉ chất liệu cao phân tử (UHMWPE) siêu bền USP2 Tiêu chuẩn: CE, ISO hoặc tương đương
12. 3	Vít chốt neo khớp vai Excalibur PEEK các cỡ	Vít neo khớp vai chất liệu PEEK phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F2026. Đường kính: 2.9mm, 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Thân bắt vít làm bằng chất liệu thép không gỉ, cán tay bắt vít được làm bằng nhựa ABS. Loại neo không nút thắt. Dùng cho phẫu thuật trật khớp

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		vai bán phần, trật khớp vai tái hồi, rách sụn viền, rách chóp xoay. Có chiều dài 288.5mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
12. 4	Vít neo khớp vai, chất liệu peek các loại, các cỡ (Vít neo khớp vai sụn viền các cỡ)	Thân bắt vít làm bằng chất liệu không gỉ phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F2848, trên nút neo có các sợi chỉ khâu bằng chất liệu cao phân tử (UHMWPE). Neo đường kính 1.0mm, 1.5mm với 1 sợi chỉ cỡ 0 chiều dài (900 - 950) mm. Neo đường kính 2.0mm, 3.0 mm kèm 2 sợi chỉ số 2 chiều dài (900 - 950) mm, cán tay bắt vít được làm bằng nhựa ABS. Có chiều dài 340mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
12. 5	Bộ dây dẫn nước nội soi vào ổ khớp	Chất liệu: Polyvinyl Clorua dẻo cấp y tế, không có mũ Thông số kỹ thuật: Chiều dài: 2,55m. Đường kính trong 5mm. Ống tưới có mặt ngoài nhẵn, ống hút có mặt ngoài có gân. Dùng trong phẫu thuật nội soi ổ khớp. Thiết kế có hai đầu dây cắm vào chai dịch. Hoàn thiện với đầu nối Luer SPIN-LOCK để tưới khớp nhanh hoặc bơm tưới dịch trong quá trình nội soi khớp. Được gói đôi, vô trùng trong một túi vỏ để sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
12. 6	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy, loại dùng một lần	Chất liệu: Polyvinyl Clorua linh hoạt cấp y tế, không chứa latex. Với 3 khóa và đầu dò nhận diện áp lực dùng bộ phận dây dùng một lần một ngày tương thích với máy bơm có dải áp lực 10-150mmHg, dải lưu lượng 0,1-2,0 l/phút. Chiều dài ≥ 5 m. Có đầu dò áp lực điều chỉnh lưu lượng nước để tiết kiệm nước, phù hợp với máy bơm áp lực PV-5201. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
12.7	Lưỡi bào nội soi khớp DR các loại 2.0 mm, 3.0 mm, 4.0 mm, 5.0 mm	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Lưỡi bào dùng một lần, đường kính các cỡ 2mm dài 70, 75,85mm; cỡ 3mm dài 70, 75, 85, 130mm; Cỡ 4.2mm dài 125, 130, 145, 150mm; cỡ 5.5mm dài 125, 130, 145, 150mm; cỡ 5.9mm dài 130mm, chất liệu thép không gỉ. Tốc độ tối đa 8000 vòng/phút Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
12.8	Lưỡi đốt nội soi bằng sóng Radio, loại lưỡi có thể tháo rời khỏi tay cầm.	Loại lưỡi cắt đốt đường kính 3.75mm chiều dài làm việc là 13.7cm, đầu cắt hình Oval 90 độ. Đầu lưỡi cắt đốt được trang bị chức năng hút. Đầu cắt thiết kế lưỡng cực cho phép cắt chính xác trong phạm vi 200 Microns. Công nghệ plasma nhiệt độ thấp giúp giảm tổn thương mô, nhiệt độ được kiểm soát dưới 50 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương
13	Phần 13: Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống, loại có 2 bóng (không có xi măng): 1 sản phẩm	
13.1	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống, loại có 2 bóng (không có xi măng)	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống, loại có 2 bóng bao gồm: - 02 kim chọc dò kèm ống rỗng nòng: có tối thiểu 02 loại 11G - 13G, chất liệu thân kim: thép không gỉ + Kim chọc dò: dài $\geq 160\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 142\text{mm}$, đường kính từ 1.8mm - 1.9mm + Ống rỗng nòng: dài $\geq 152\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 117\text{mm}$, đường kính từ 2.4mm - 3.0mm - 01 bộ kim ống thông dẫn: kim nong và kim mở rộng + Kim nong: dài $\geq 157\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 125\text{mm}$, đường kính $\geq 4.5\text{mm}$ + Kim mở rộng: dài $\geq 172\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 150\text{mm}$, đường kính $\geq 3.7\text{mm}$. - 02 mũi khoan tạo rãnh: dài $\geq 262\text{mm}$, chiều dài làm

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		việc $\geq 230\text{mm}$, đường kính $\geq 3.5\text{mm}$ - 06 bộ kim đẩy và đẩy xi măng (Cement Pusher & Filler) + Kim đẩy: dài $\geq 212\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 190\text{mm}$, đường kính $\geq 3.2\text{mm}$ + Kim đẩy: dài $\geq 278\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 220\text{mm}$, đường kính $\geq 2.6\text{mm}$ - 02 dây dẫn đường: đầu tù và đầu nhọn, chiều dài $\geq 270\text{mm}$, đường kính $\geq 1.8\text{mm}$ - 02 Bóng nong đốt sống: có tối thiểu 03 kích cỡ với chiều dài ban đầu từ 10mm - 20mm, dung tích 3cc - 5cc, chiều dài sau khi nở 16mm - 34mm, áp lực tối đa 400psi - 02 Bơm áp lực có đồng hồ đo với áp lực bơm tối đa 400 PSI, có khóa gạt Đóng gói tiệt trùng Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
14	Phần 14: Hóa chất, sinh phẩm kháng sinh đồ: 18 sản phẩm	
14.1	Môi trường nuôi cấy vi sinh dạng công thức	Môi trường Macconkey agar chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm. Dùng phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae, Chứa Bile Salts và Crystallviolet giúp phân biệt giữa Coliforms và vi khuẩn không lên men lactose, ức chế vi khuẩn gram dương.
14.2	Môi trường phân biệt và chọn lọc trung bình	Môi trường Samonella – Shigella Agar chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $\geq 25\text{ml} \pm 5\%$; Dùng nuôi cấy chọn lọc sử dụng cho phân lập Salmonella và một số Shigella trong bệnh phẩm.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
14. 3	Môi trường phân lập trung tính	Môi trường Chocolate agar chuẩn bị sẵn, chứa 7% máu cừu và ISO vitalex, Bổ sung yếu tố XV, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $\geq 25\text{ml} \pm 5\%$; Dùng để phân lập các vi khuẩn khó mọc Neisseria, Haemophilus và Streptococcus pneumoniae.
14. 4	Môi trường nuôi cấy vi sinh	Môi trường BHI lỏng, chuẩn bị sẵn. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.
14. 5	Môi trường tăng sinh	Môi trường thạch máu chuẩn bị sẵn, chứa 5% máu cừu, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $\geq 25\text{ml} \pm 5\%$; Thạch màu đỏ tươi, dùng phân biệt các kiểu tiêu huyết: α , β .
14. 6	Môi trường sinh màu phân lập và biệt hóa vi sinh vật gây bệnh đường tiết niệu	Môi trường Chrom Orientation chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $\geq 25\text{ml} \pm 5\%$; Môi trường dùng phân lập các vi khuẩn gây bệnh đường tiết niệu. Các vi khuẩn mọc trên môi trường sẽ sinh màu sắc riêng biệt.
14. 7	Thuốc thử Catalase	Thuốc thử Catalase. Chuẩn bị sẵn. Đóng gói: $\geq 10\text{ml/}$ lọ.
14. 8	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 để định danh tự động các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men.
14. 9	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 để định danh tự động các vi khuẩn Gram dương.
14. 10	Thẻ định danh nấm	Thẻ định danh nấm men được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 để định danh tự động các loài nấm men và các loài nấm giống nấm men.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
14. 11	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 với hệ thống trong phòng xét nghiệm lâm sàng như là một xét nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm kháng sinh của Vi sinh vật với các kháng sinh.
14. 12	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm các loại	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 với hệ thống trong phòng xét nghiệm phòng như một thử nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm của các trực khuẩn Gram âm hiếu khí có ý nghĩa trong lâm sàng với các kháng sinh.
14. 13	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Thẻ kháng sinh đồ nấm được sử dụng trên hệ thống VITEK 2 với hệ thống trong phòng xét nghiệm một thử nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm của các nấm men có ý nghĩa lâm sàng với các kháng nấm.
14. 14	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật chọn lọc	Môi trường Sabouraud chuẩn bị sẵn, không chứa chloramphenicol, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích $\geq 25\text{ml} \pm 5\%$; Dùng nuôi cấy nấm.
14. 15	Thuốc thử dùng cho máy cấy máu, dùng cho người lớn	Chai cấy máu hiếu khí tự động chứa môi trường được sử dụng cùng với hệ thống phát hiện vi khuẩn trong qui trình để tăng cường phục hồi và phát hiện các vi sinh vật hiếu khí từ máu và các dịch vô khuẩn khác trong cơ thể.
14. 16	Thuốc thử dùng cho máy cấy máu, dùng cho trẻ em	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu.
14. 17	Nước muối 0,45%	Nước muối vô trùng nồng độ 0,45%.

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
14. 18	Liquid ink (mực tàu)	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Nigrosin tìm Cryptococcus.
15	Phần 15: Các loại test xét nghiệm: 12 sản phẩm	
15. 1	Test xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue. Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.
15. 2	Sinh phẩm chẩn đoán in vitro định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.	Thẻ xét nghiệm định tính HCV. Thành phần: Colloidal Gold; Recombinant HCV antigen; Goat anti-human IgG.
15. 3	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema pallidum. Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Hộp xét nghiệm gồm (thanh thử; dải; dung môi; pipet mao dẫn 20µl (tùy chọn).

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	Treponema pallidum, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	
15. 4	Test thử nhanh chất gây nghiện MOP Morphine.	Test thử nhanh chất gây nghiện MOP Morphine.
15. 5	Test thử chất gây nghiện Marijuana.	Phát hiện THC trên mẫu nước tiểu. Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương. Cung cấp kèm que lấy mẫu. LOD 50 ng/ml.
15. 6	Test thử nhanh được sử dụng để phát hiện IgM kháng thể đối với Enterovirus (EV71), một loại virus gây bệnh tay, chân và miệng.	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM. thực hiện trên mẫu huyết thanh hoặc huyết tương, Độ nhạy: $\geq 97,9\%$. Độ Đặc hiệu: 98,5%, khoảng tin cậy 95% Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương.
15. 7	Test nhanh Heroin	Phát hiện định tính sự có mặt chất Heroin trong nước tiểu. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
15. 8	Test nhanh Codein	Phát hiện định tính sự có mặt chất Codein trong nước tiểu. Độ nhạy: $\geq 95\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$
15. 9	Test chẩn đoán nhanh Ma Túy Tổng Hợp AMP (Amphetamin e) trong nước tiểu	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Amphetamine (Ma túy tổng hợp) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 1000 ng/ml
15. 10	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Viêm gan A (HAV) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc mẫu huyết tương.
15. 11	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV	Vùng cộng hợp: kháng nguyên HEV tái tổ hợp & IgG thỏ; Vạch kết quả: kháng thể chuột kháng IgM người; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thỏ.
15. 12	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM và IgG kháng Orientia tsutsugamushi	Phát hiện định tính kháng thể IgM và IgG kháng Orientia tsutsugamushi trong máu; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu $\geq 95.85\%$

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Anh và Tiếng Việt.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Sổ lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với Thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với Thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại Thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Sổ lưu hành và Kết quả phân loại Thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Hàng hóa dự thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa:

- Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở đi, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- Cam kết cung cấp hàng hóa trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ lúc nhận được đơn hàng của Đơn vị, đối với trường hợp giao hàng gấp, đột xuất: trong vòng 48 giờ.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện đa khoa Đắc Nông; Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.